CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng công ty May 10 - CTCP

Ngày 30/09/2025	20,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**1.0%**	**-**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,890 - 26,067
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	664
Số lượng CPLH (CP)	31,750,756
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,915
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.40
EPS	4,533
P/E	4.6

DT thuần
Q3/25
1,310
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 151| 13.0%
YoY: ▼52.0| -3.8%

LN thuần
Q3/25
60.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.3| 40.2%
YoY: ▲ 21.4| 54.9%

LN sau thuế
Q3/25
48.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.30| 20.5%
YoY: ▲ 16.6| 51.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.0%
YoY: +/-▲ 0.3%

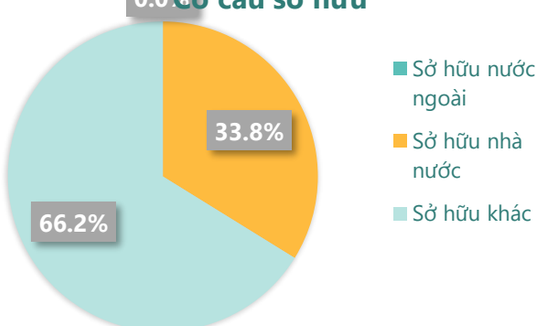
ROE (TTM)
Q3/25
24.4%
YoY: +/-▲ 1.2%

DT thuần
9T 2025
3,724
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 384| 11.5%

LN thuần
9T 2025
147
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.0| 42.6%

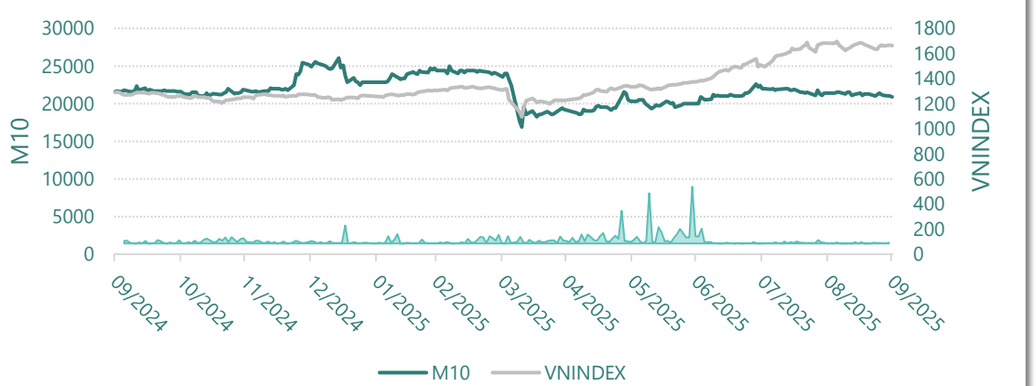
LN sau thuế
9T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.1| 59.2%

Cơ cấu sở hữu

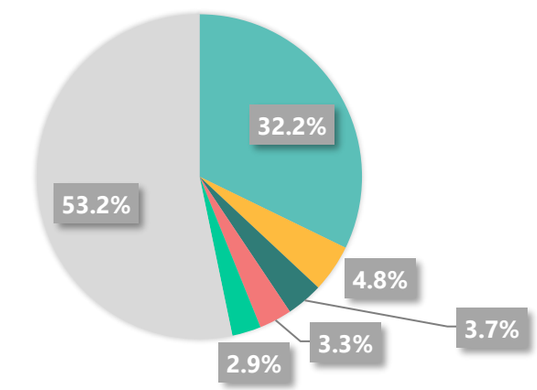


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

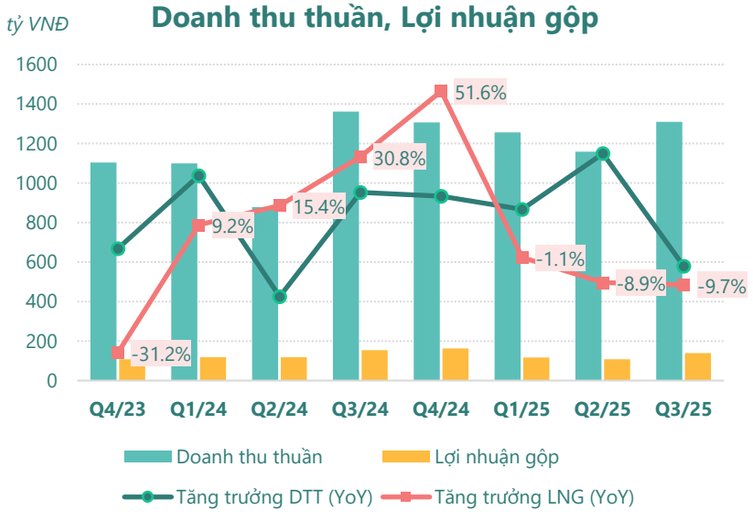


- Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Vũ Đức Giang (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thiên Lý
- Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Phạm Bích Hồng (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

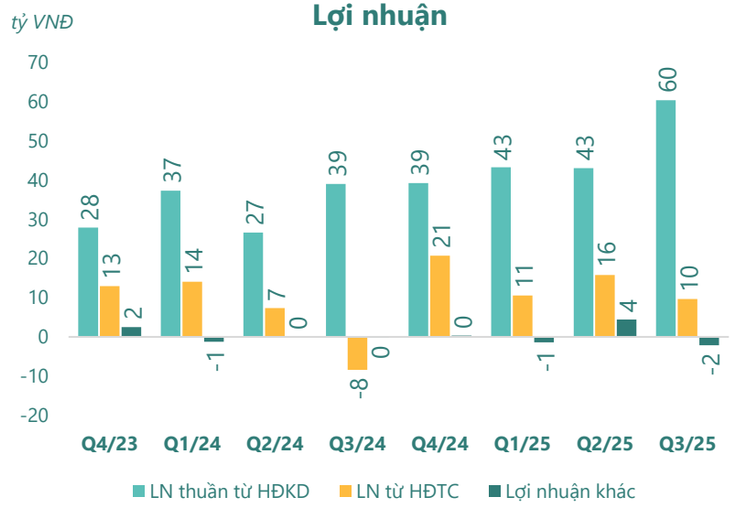
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



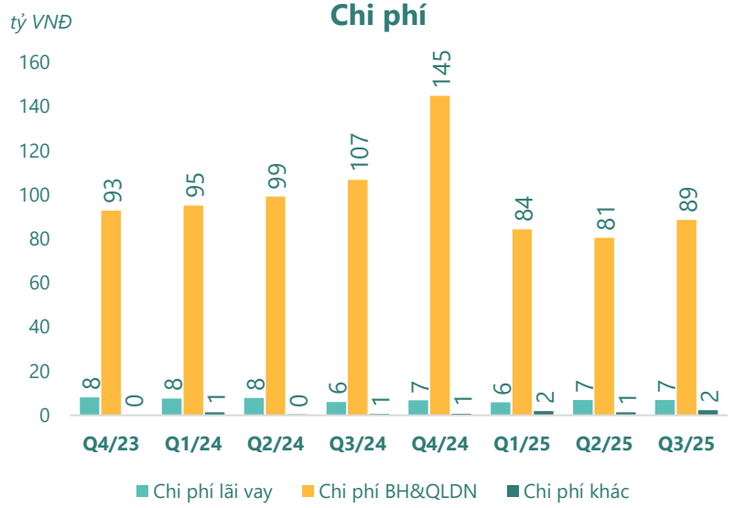
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



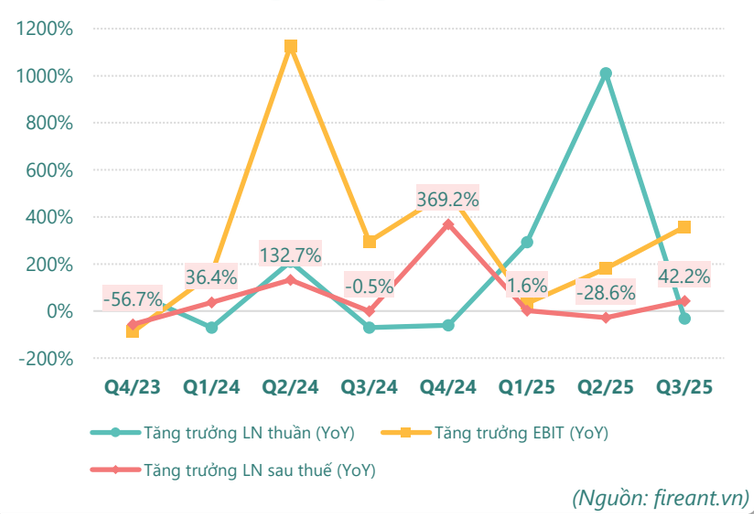
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



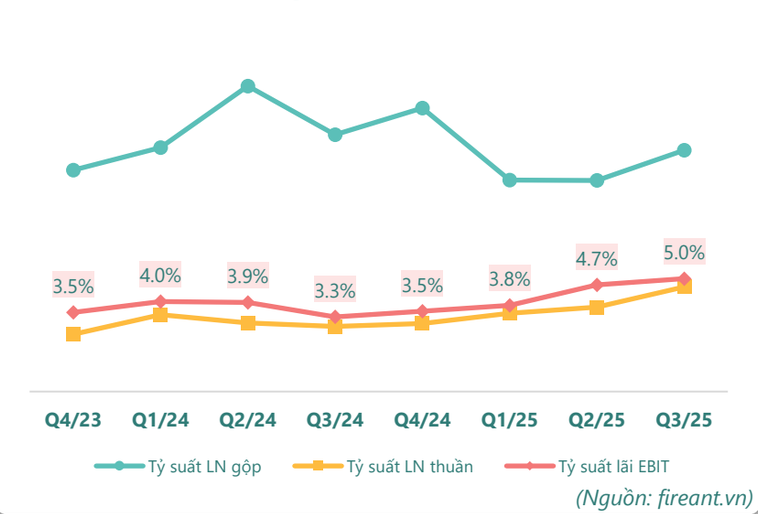
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



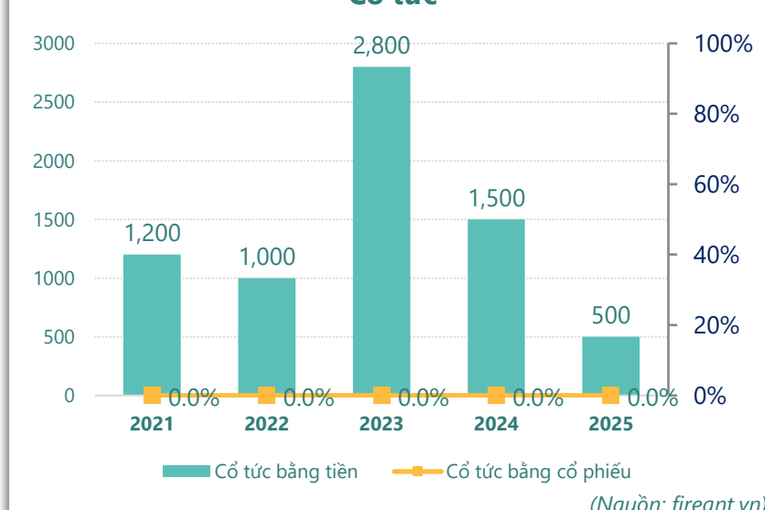
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

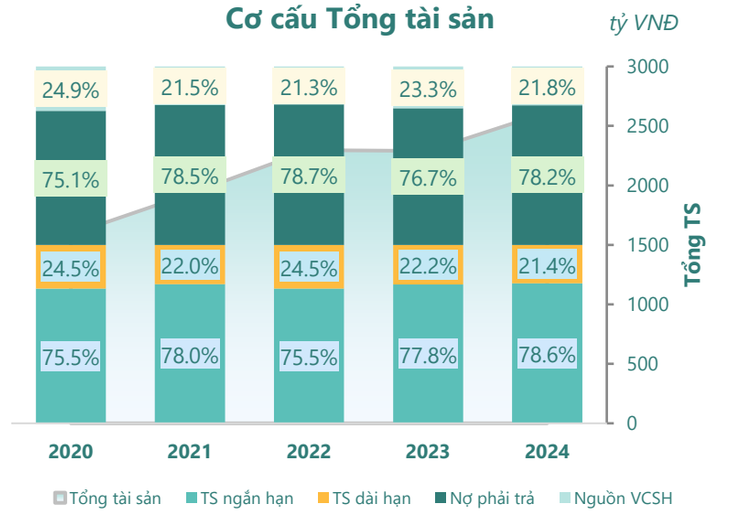
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

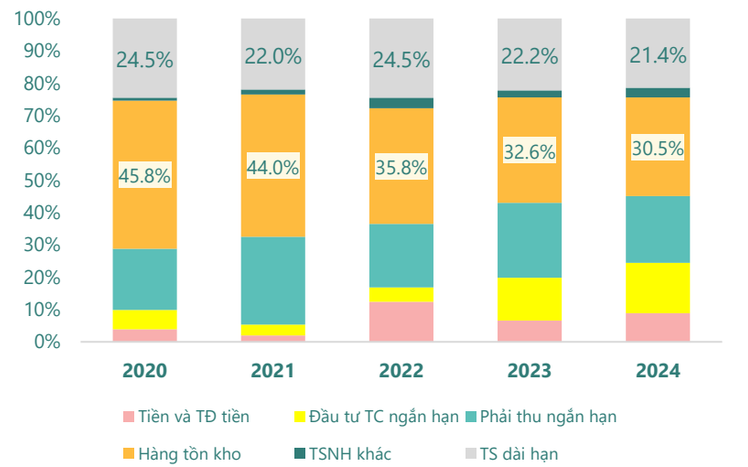
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



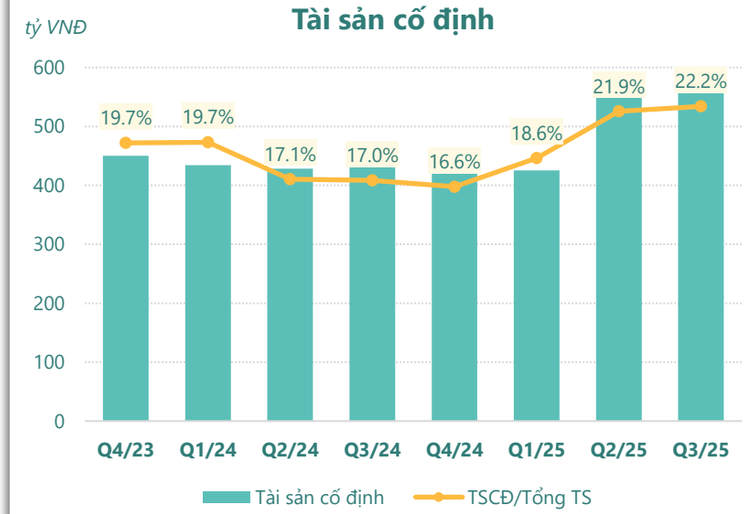
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



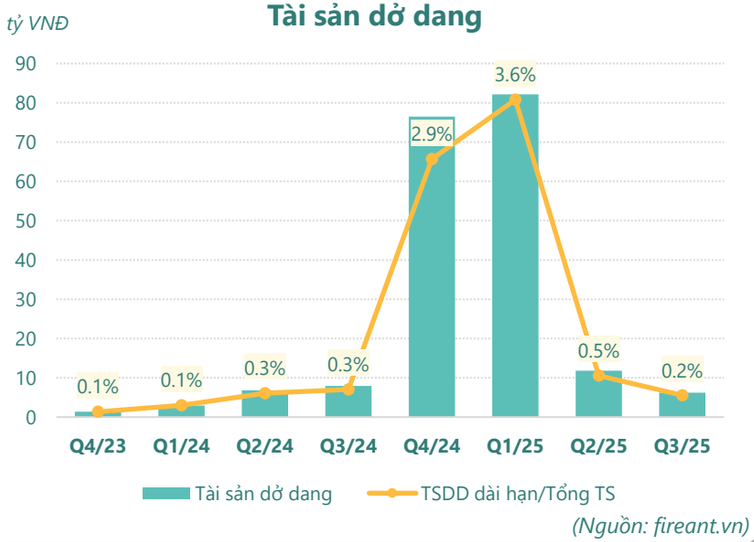
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



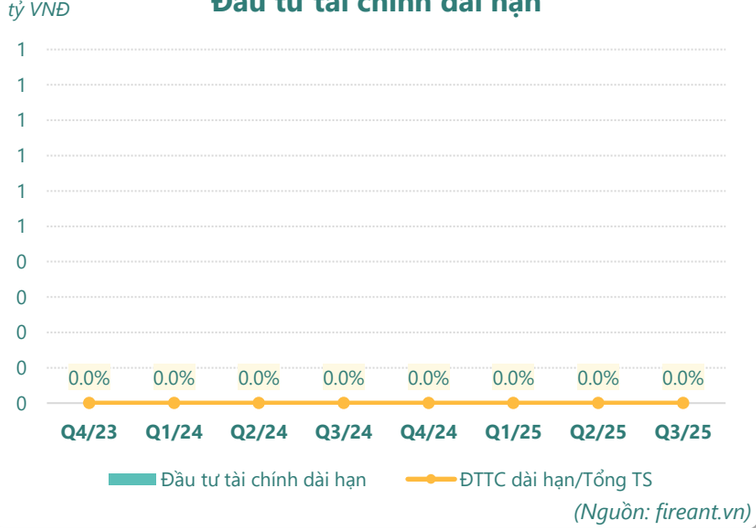
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



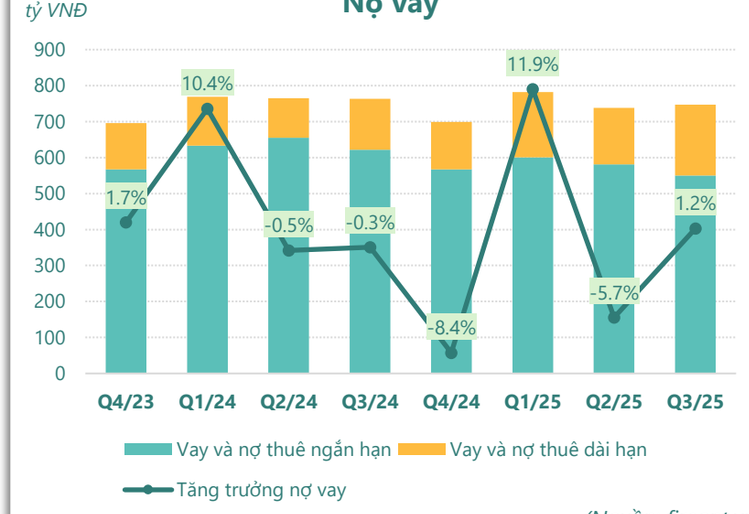
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

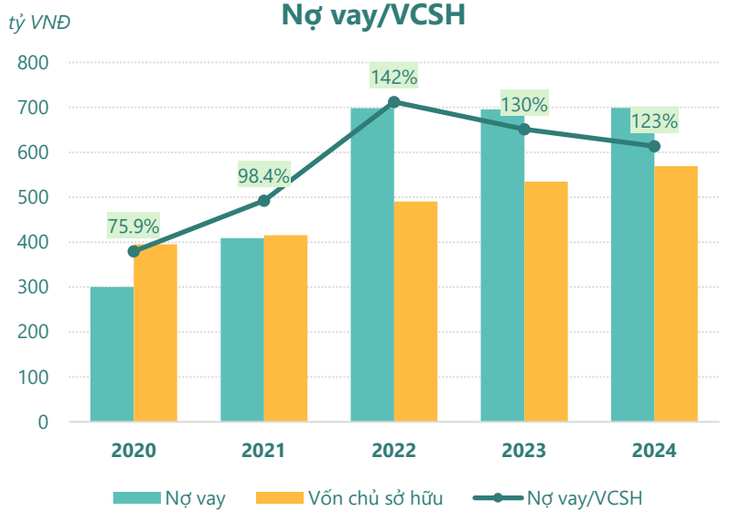
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

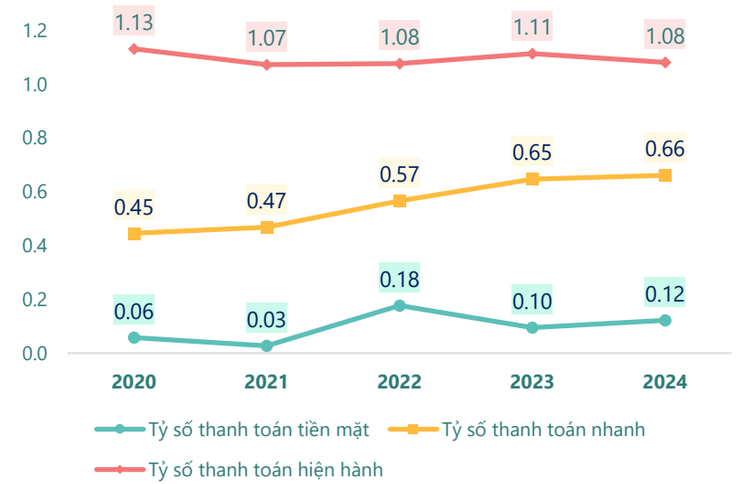
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



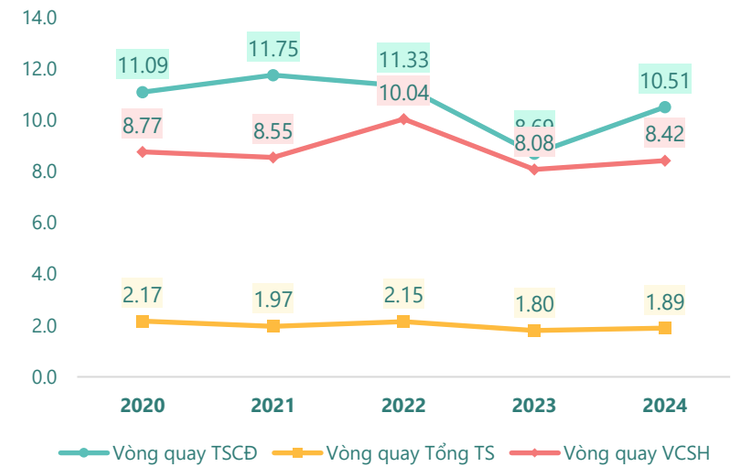
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



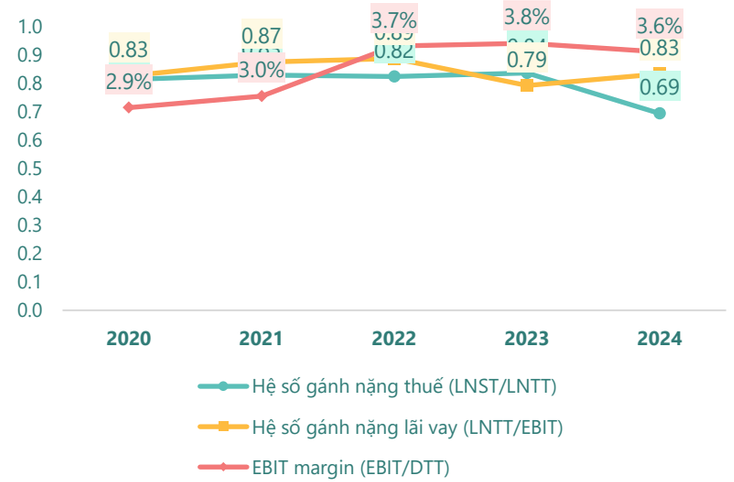
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



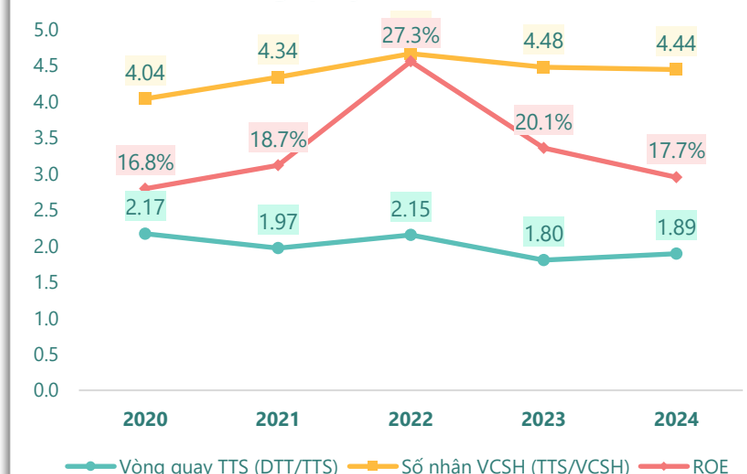
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



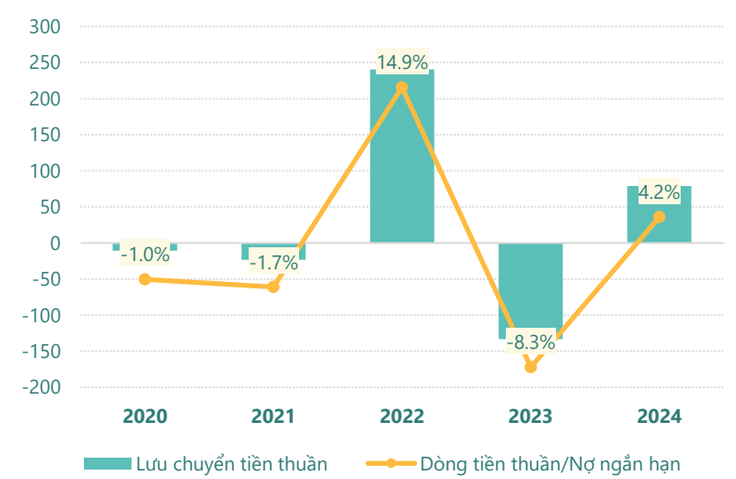
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,310**	**1,362**	**-3.8%**	**3,724**	**3,340**	**11.5%**
Giá vốn hàng bán	1,170	1,207	-3.0%	3,360	2,949	13.9%
Lợi nhuận gộp	139	154	-9.6%	364	391	-6.9%
Doanh thu HĐTC	21.0	19.7	6.6%	87.0	76.1	14.2%
Chi phí TC	11.3	28.1	-59.7%	50.9	63.1	-19.3%
Chi phí lãi vay	6.93	6.00	15.4%	19.7	21.5	-8.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	60.2	47.4	27.0%	167	124	34.9%
Chi phí QLDN	**28.3**	**59.4**	**-52.3%**	**86.0**	**177**	**-51.4%**
LN thuần từ HĐKD	60.4	39.0	54.9%	147	103	42.6%
Lợi nhuận khác	**-2.14**	**-0.22**	**-871%**	**0.92**	**-1.43**	**164%**
LN trước thuế	58.3	38.8	50.2%	148	101	45.6%
Lợi nhuận sau thuế	**48.5**	**31.9**	**51.9%**	**124**	**77.9**	**59.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**48.5**	**31.9**	**51.9%**	**124**	**77.9**	**59.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-65.9	212	184	-45.0	44.7	123
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.6	-152	-46.5	-40.3	-56.9	-110
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.4	8.97	-72.3	57.2	-44.7	-10.6
Tiền đầu kỳ	218	97.4	166	232	203	146
Lưu chuyển tiền thuần	**-121**	**69.2**	**65.1**	**-28.1**	**-57.0**	**2.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.28	-0.83	0.94	-0.68	-0.22	-1.61
Tiền cuối kỳ	97.4	166	232	203	146	147

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,543**	**2,616**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,918	2,055	-6.7%
Tiền và tương đương tiền	147	232	-36.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	449	408	10.0%
Phải thu ngắn hạn	571	538	6.0%
Hàng tồn kho	663	798	-16.9%
Tài sản ngắn hạn khác	88.1	78.7	12.0%
Tài sản dài hạn	**625**	**561**	**11.4%**
Phải thu dài hạn	8.51	9.64	-11.7%
Tài sản cố định	566	434	30.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.24	76.5	-91.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**44.5**	**40.8**	**8.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,913	2,047	-6.5%
Nợ ngắn hạn	**1,702**	**1,901**	**-10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	550	567	-3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	590	808	-27.0%
Nợ dài hạn	211	146	44.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	197	131	49.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**630**	**569**	**10.7%**
Vốn chủ sở hữu	**630**	**569**	**10.7%**
Vốn điều lệ	318	318	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)